| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÌNH ĐỊNH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 70/2016/QĐ-UBND | *Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2016* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Phê duyệt đặt tên đường (bổ sung) trên địa bàn thị xã An Nhơn năm 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 3 về việc Đề án đặt tên đường (bổ sung) trên địa bàn thị xã An Nhơn năm 2016;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đặt tên 31 tuyến đường (bổ sung) trên địa bàn thị xã An Nhơn năm 2016 (*có Danh sách tên đường kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT.CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**DANH SÁCH**
**Đặt tên đường (bổ sung) trên địa bàn thị xã An Nhơn năm 2016**
(*Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh)*

| STT | Tuyến đường, ký hiệu loại đường | Lý trình | Chiều dài (m) | Lộ giới | | Kết cấu mặt đường | Tên đường |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Quy hoạch (m)* | *Hiện trạng (m)* | | |
| **I. Các tuyến đường tại phường Nhơn Thành: 12 tuyến** | | | | | | | |
| **01** | Liên khu vực | Quốc lộ 19 B - trường THCS Nhơn Thành | 460 | 12 | 5 | Bê tông | **Trương Hán Siêu** (? - 1354) |
| **02** | Liên khu vực | QL1A (nhà ông Nguyễn Xuân Cẩn, KV Tiên Hội, giáp ranh Cát Tân, Phù Cát) - QL 1A (điểm gần ngã tư Gò Găng) | 600 | 8 | 5 | Bê tông | **Ngô Tất Tố** (1894 - 1954) |
| **03** | Quốc lộ 19 B | Quốc lộ 1A - giáp xã Nhơn Mỹ | 2.610 | 55 | 12 | Nhựa | **Võ Văn Kiệt** (1922 - 2008) |
| **04** | Quốc lộ 19 B | Cầu Bờ Kịnh giáp (Cát Tường) - Quốc lộ 1A | 790 | 55 | 12 | Nhựa | **Phạm Hùng** (1912 - 1988) |
| **05** | Khu vực | QL 19B - QL 1A (nhà bà Cao Thị Tùng, chợ Gò Găng cũ, KV Tiên Hội) | 300 | 8 | 6 | Bê tông | **Nguyễn Tri Phương** (1800 - 1873) |
| **06** | Liên khu vực | QL 1A (nhà ông Khả) - Đình Tiên Hội - Cổng làng Nón lá Gò Găng - Quốc lộ 1A | 1.400 | 8 | 5 | Bê tông | **Nguyễn Văn Trỗi** (1940 - 1964) |
| **07** | Quốc lộ 1 A | Từ cây xăng số 15 - Cầu Chùa, Đập Đá | 2.300 | 52 | 20 | Nhựa | **Phạm Văn Đồng** (1906 - 2000) |
| **08** | Liên khu vực | QL 1A (Cầu Tiên Hội) - nhà ông Đinh Thanh Hòa, KV Phú Thành | 2.800 | 8 | 5 | Bê tông | **Trương Văn Đa** (Thế kỷ XVIII) |
| **09** | Liên khu vực | Ngã ba Đình Châu Thành - Trường Tiểu học số 2 Nhơn Thành | 3.100 | 8 | 5 | Bê tông | **Võ Trứ** (? - 1898) |
| **10** | Khu vực | QL 1A - nhà ông Nguyễn Văn Chi KV Vạn Thuận | 1.244 | 8 | 5 | Bê tông | **Lê Văn Hưng** (? - 1798) |
| **11** | Khu vực | QL 19B (nhà ông Trương Ngọc Trà) - giáp đường sắt | 400 | 8 | 6 | Nhựa | **Trương Định** (1820 - 1864) |

| STT | Tuyến đường, ký hiệu loại đường | Lý trình | Chiều dài (m) | Lộ giới | | Kết cấu mặt đường | Tên đường |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Quy hoạch (m)* | *Hiện trạng (m)* | | |
| | | (khu vực Vĩnh Phú) | | | | | |
| **12** | Khu vực | QL 19B (nhà ông Kiều Thanh Phong) - Văn Thánh (khu vực Vĩnh Phú) | 1.200 | 10 | 5 | Bê Tông | **Đỗ Nhuận** (1922 - 1991) |
| **II. Các tuyến đường tại phường Nhơn Hưng: 9 tuyến** | | | | | | | |
| **13** | Quốc lộ 1A | Cầu Đập Đá - nhà ông Hồ Văn Tân | 3.500 | 52 | 20 | Nhựa | **Trường Chinh** (1907 - 1988) |
| **14** | Khu vực (QL1A cũ) | Cầu Đập Đá cũ - trường Tiểu học số 1 | 400 | 30 | 8 | Nhựa | **Cao Bá Quát** (1809 - 1855) |
| **15** | Liên khu vực | QL 1A (Cây xăng Toàn Thắng) - Cầu Bờ Giảng, Cẩm Văn | 2.000 | 18 | 4 | Bê tông | **Lê Lai** (? - 1419) |
| **16** | Liên khu vực | Cơ sở nước mắm Đức Viên - QL 1A | 980 | 17 | 6 | Bê tông | **Lương Định Của** (1920 - 1975) |
| **17** | Liên khu vực | QL 1A (cây xăng số 14) - đường sắt (Tiên Hòa) | 1.800 | 17 | 6 | Bê tông | **Nguyễn Du** (1765 - 1829) |
| **18** | Liên khu vực | QL 1A (nhà ông Trần Minh Hương) - Bờ tràn (Phò An) | 1.620 | 18 | 5 | Bê tông | **Tôn Thất Tùng** (1912 - 1982) |
| **19** | Liên khu vực | QL1A (nhà ông Nguyễn Hữu Thi) - đường Ngô Đức Đệ, phường Bình Định | 1.550 | 14 | 4 | Bê tông | **Chu Văn An** (1292 - 1370) |
| **20** | Liên khu vực | QL1A (nhà ông Phạm Văn Cứ) - nhà ông Ngô Thành Bang (Phò An) | 1.360 | 9 | 5 | Bê tông | **Hoàng Hoa Thám** (1858 - 1913) |
| **21** | Tỉnh lộ 636B | Đường sắt (giáp đường Ngô Đức Đệ) - nhà bà Nguyễn Thị Thanh (Hòa Cư) | 500 | 30 | 6 | Bê tông | **Ngô Đức Đệ** (1905 - 2001) *Tên đường này đã đặt ở P.Bình Định tiếp tục kéo dài đến P. Nhơn Hưng* |
| **III. Các tuyến đường tại phường Bình Định và Nhơn Hòa: 10 tuyến** | | | | | | | |
| **22** | Quốc lộ 1A | Từ Cây xăng Bến xe Bình Định - Cầu Gành | 3.700 | 52 | 20 | Nhựa | **Nguyễn Văn Linh** (1915 - 1998) |
| **23** | Quốc lộ 19 | Ngã 3 Cầu Gành (đoạn đường sắt) | 8600 | 52 | 20 | Nhựa | **Võ Nguyên Giáp** |

| STT | Tuyến đường, ký hiệu loại đường | Lý trình | Chiều dài (m) | Lộ giới | | Kết cấu mặt đường | Tên đường |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | *Quy hoạch (m)* | *Hiện trạng (m)* | | |
| | | - Cầu Đen (giáp xã NhơnThọ) | | | | | (1911 - 2013) |
| **24** | Liên khu vực | Cầu Trường Thi - Quốc lộ 19 | 3.000 | 32 | 8 | Bê tông | **Trường Thi** |
| **25** | Khu vực | Từ nhà ông Nhuận - ngã ba nhà ông Tâm | 796 | 12 | 5 | Bê tông | **Yết Kiêu** Thế kỷ (XIII) |
| **26** | Khu vực | Từ nhà ông Sơn - nhà ông Minh | 509 | 12 | 5 | Bê tông | **Tú Xương** (1870 - 1970) |
| **27** | Liên khu vực | Cầu Mương Dúi - Quốc lộ 19 | 1.500 | 24 | 8 | Bê tông | **Lê Quý Đôn** (1726 - 1783) |
| **28** | Liên khu vực | Cầu Ngoài Long Quang - nhà ông Quán | 2.000 | 25 | 6 | Bê tông | **Trần Khánh Dư** (1270 - 1339) |
| **29** | Liên khu vực | Từ Phụ Quang - Quốc lộ 19 | 1.500 | 16 | 5 | Bê tông | **Trần Nguyên Hãn** (? - 1429) |
| **30** | Liên khu vực | Nhà bà Bửu (ngã ba An Lộc) - Bờ Đùi (ranh giới với xã Nhơn Lộc) | 3.500 | 19 | 6 | Bê tông | **Nguyễn Trung Trực** (1839 - 1868) |
| **31** | Khu vực | Quốc lộ 19 - Cụm CN Nhơn Hòa | 500 | 20 | 10 | Bê tông | **Biên Cương** (1929 - 1968) |

**Tổng cộng: 31 tuyến đường.**